

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-ST

Ngày: 14/6/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ngọc Thảo
2. Ông Nguyễn Lập Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H'Mi Chan Niê – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị L – Sinh năm 1953

Địa chỉ: Đường T, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn C – Sinh năm 1956

Địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hà Thọ T – Sinh năm 1951

Địa chỉ: Đường T, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Trịnh Thị L trình bày:** Ông Lê Văn C và chồng tôi là ông Hà Thọ T có mối quan hệ làm ăn chung. Ngày 10/4/2016 ông C cần tiền để trả tiền tại khu công nghiệp nên ông C có vay của tôi 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Khi vay ông C có viết cho tôi một giấy tay, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1%/tháng, thời hạn trả nợ là khi nào tôi cần thì ông C sẽ trả. Tuy nhiên, khi tôi có nhu cầu sử dụng tiền, tôi đã nhiều lần yêu cầu ông C trả cho tôi số tiền

trên nhưng ông C cứ nói từ từ rồi ông trả. Đến nay, ông C vẫn không trả cho tôi khoản tiền trên. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Lê Văn C phải trả cho tôi số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 10/4/2016 đến ngày khởi kiện là 52.000.000 đồng. Tôi thừa nhận trong quá trình vay mượn ông C đã trả cho tôi được 10.000.000 đồng tiền lãi. Khi vay tiền, chỉ có một mình C đến nhận nên tôi chỉ yêu cầu một mình ông C trả nợ cho tôi.

*** Bị đơn ông Lê Văn C trình bày:** Tôi xác nhận có vay của bà Trịnh Thị L số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 10/4/2016, lúc vay tiền tôi có viết cho bà L một giấy tay đúng là giấy mà bà L đã nộp cho Tòa án. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng và tôi đã trả lãi suất cho bà L được 10 tháng nhưng hai bên không lập giấy tờ. Tuy nhiên, về nguồn gốc số tiền này là do giữa tôi và chồng bà L là ông Hà Thọ T có góp vốn mua chung xe bồn nhưng sau đó ông T đã tự ý bán xe bồn mà không trả cho tôi số tiền tôi đã góp. Vì vậy tôi chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 200.000.000 đồng sau khi tôi giải quyết xong công nợ với ông Hà Thọ T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/7/2018 ông Lê Văn C có đơn phản tố đề nghị Tòa án buộc bà Trịnh Thị L và ông Hà Thọ T có trách nhiệm trả cho ông C tổng số tiền 654.000.000 đồng từ việc góp vốn mua và hoạt động của xe bồn. Tuy nhiên ngày 17/4/2019 ông Lê Văn C đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Thọ T trình bày:** Trước đây giữa tôi và ông Lê Văn C có góp vốn mua chung xe bồn nhưng trong quá trình hoạt động không hiệu quả nên tôi đã bán chiếc xe này cho người khác để lấy tiền trả nợ. Việc ông Lê Văn C đưa ra lý do chỉ trả nợ cho bà L khi nào giải quyết xong công nợ với tôi là không hợp lý vì khi góp vốn mua xe bồn, chiếc xe này thuộc sở hữu của Doanh nghiệp tư nhân M do tôi làm chủ. Khoản tiền 200.000.000 đồng ông C vay của bà L là để trả nợ tại khu công nghiệp, không liên quan đến việc làm ăn chung giữa tôi với ông C.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Tòa án thụ lý vụ án ngày 04/7/2018. Ngày 14/5/2019, Tòa án ban hành Quyết định xét xử vụ án là vi phạm quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị L là có căn cứ. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét buộc ông Lê Văn C có trách nhiệm trả cho bà L tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Văn C vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị L, HĐXX nhận thấy: Ngày 10/4/2016 bà Trịnh Thị L có cho ông Lê Văn C vay số tiền 200.000.000 đồng, ông C thừa nhận có vay của bà L số tiền này và hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, không xác định thời hạn trả nợ. Đến thời điểm hiện nay, ông C vẫn chưa trả cho bà L khoản nợ trên nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C trả nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả ông C và bà L đều thừa nhận bên có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng nhưng không ghi vào giấy nợ. Ông Lê Văn C cho rằng đã trả lãi cho bà L được 10 tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà Loan thừa nhận ông Chanh đã trả cho bà được 10.000.000 tiền lãi nên cần chấp nhận. Xét thấy mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, buộc ông Lê Văn C phải trả cho bà L khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2019 là $(200.000.000 \times 1\%/tháng) \times 38 \text{ tháng} = 76.266.667$ đồng, khấu trừ 10.000.000 đồng tiền lãi mà ông C đã trả, số tiền lãi còn lại là 66.266.667 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/7/2018 ông Lê Văn C có đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị L và ông Hà Thọ T có trách nhiệm trả cho ông C tổng số tiền 654.000.000 đồng từ việc góp vốn mua chung và lợi nhuận phát sinh từ hoạt động của xe bồn. Tuy nhiên ngày 17/4/2019 ông Lê Văn C đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố nói trên. Việc rút đơn yêu cầu phản tố của ông C, ông Hà Thọ T và bà Trịnh Thị L đồng ý và không có ý kiến gì khác. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông Lê Văn C hiện nay là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Vì vậy ông C thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị L. Buộc ông Lê Văn C phải có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và 66.266.667 đồng nợ lãi. Tổng cộng cả hai khoản là 266.266.667 (*hai trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm sáu sáu ngàn sáu trăm sáu bảy đồng*). Ông C tiếp tục chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 15/6/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn C đối với yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị L và ông Hà Thọ T có trách nhiệm trả cho ông C tổng số tiền 654.000.000 đồng. Ông Lê Văn C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thành một vụ án riêng theo quy định của pháp luật.

*** Về án phí:** Ông Lê Văn C được miễn án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang